

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HOÀ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 05/11/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Thọ

2. Bà Ngô Thị Hóa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hạ Hoà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hải - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1988;

Bị đơn: Anh Bùi Ngọc H, sinh năm 1984;

Đều có địa chỉ: Khu X, xã Đ, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H1 có mặt, anh H vắng mặt vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thanh H1 trình bày:

Tôi và anh Bùi Ngọc H kết hôn ngày 06 tháng 02 năm 2009 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã L (nay là xã Đ), huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn tôi về làm dâu ngay gia đình anh H, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H và đều làm lao động tự do tại khu X, xã Đ, huyện Hạ Hoà. Đến năm 2017 tôi và anh H chuyển lên thành phố Điện Biên, tỉnh Điện Biên làm ăn sinh sống. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có

tiếng nói chung, do đó thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể hàn gắn được. Sau đó tôi đã về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về đoàn tụ với nhau được nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng 02 con chung là cháu Bùi Thanh H2, sinh ngày 07/3/2010 và cháu Bùi Công T, sinh ngày 17/2/2014. Hiện cháu H2 đang ở với tôi, còn cháu T đang ở với anh H cùng ông bà nội. Hiện nay anh H vắng mặt, nên sau ly hôn tôi đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Bùi Thanh H2 và cháu Bùi Công T và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và thông báo nhiều lần anh Bùi Ngọc H đến trụ sở Tòa án để giải quyết việc chị H1 khởi kiện xin ly hôn, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án gửi giấy triệu tập và các thông báo hợp lệ do anh H và ông Bùi Công V bố đẻ anh H nhận thay, ông V xác nhận đã nhận được các văn bản của tòa án gửi cho anh H ông đã thông báo và giao các văn bản anh H, anh H biết việc chị H1 có đơn xin ly hôn và đang được Tòa án giải quyết. Ông V cho biết chị H1 và anh H có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, nguyên nhân do anh H đi làm ăn xa, còn chị H1 ở nhà có đi quan hệ bất chính với người khác, từ đó vợ chồng xảy ra nhiều xô sát, cãi chửi nhau, hai bên gia đình đã họp để giải quyết các mâu thuẫn của anh chị, tuy nhiên chị H1 không nghe mà vẫn tiếp tục đi quan hệ với người khác, mà trước đó chị H1 cũng đã viết bản cam kết để xin gia đình tha thứ, gia đình đã bỏ qua, nhưng chị H1 không thay đổi và bỏ về nhà mẹ đẻ ở, đồng thời làm đơn xin ly hôn anh H. Do anh H thường xuyên đi làm ăn xa nên không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị H1 được, anh H có nói lại việc này do chị H1 tự quyết định, anh không có ý kiến gì, nếu chị H1 kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí, việc chị H1 và anh H ly hôn hay không ly hôn do anh chị quyết định ông không có ý kiến gì.

Trong quá trình làm việc được UBND xã, công chức tư pháp, hội phụ nữ và trưởng khu hành chính khu X xã Đ, huyện Hạ Hòa cho biết chị Nguyễn Thị Thanh H1 và anh Bùi Ngọc H là công dân khu X xã Đ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ đã kết hôn với nhau năm 2009. Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống với nhau cùng gia đình. Đến khoảng năm 2017 anh H và chị H1 đi làm ăn ở Điện Biên, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Vừa qua địa phương có biết việc chị H1 có đơn xin ly hôn anh H và đang được Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa giải quyết. Địa phương được biết vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên do anh H và chị H1 đi làm ăn

xa ít về địa phương, nên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương cũng không nắm bắt được. Do chị H1 và anh H có mâu thuẫn và có đơn xin ly hôn nhau, nên địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của vợ chồng giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hoà có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 - BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 được ly hôn anh Bùi Ngọc H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Bùi Thanh H2, sinh ngày 07/3/2010 và cháu Bùi Công T, sinh ngày 17/2/2014, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 do chị H1 không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết do các bên không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Thanh H1 và anh Bùi Ngọc H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Các đương sự đều có nơi cư trú tại xã Đ, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật

tổ tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập chị Nguyễn Thị Thanh Hòa và anh Bùi Ngọc H đến Tòa án để làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật, chị H1 đều có mặt, còn anh H vắng mặt không có lý do mặc dù các văn bản của Tòa án do bố để là ông Bùi Công V nhận thay, đã thông báo và giao lại cho anh H. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 10/10/2024 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 25/10/2024, quyết định này đã được giao, gửi cho các đương sự, đến ngày xét xử chị H1 có mặt, còn anh H vắng mặt không có lý do. HĐXX Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa căn cứ vào khoản 1 Điều 227 - BLTTDS ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định chung của pháp luật và ấn định ngày xét xử trong Quyết định hoãn phiên tòa đồng thời tiến hành giao và gửi quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay chị H1 có mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thanh H1 và anh Bùi Ngọc H kết hôn ngày 06 tháng 02 năm 2009 là hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Liên Phương (nay là xã Đ), huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ ký kết hôn. Đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chị H1 cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể hàn gắn được. Sau đó, chị H1 đã về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, ai có cuộc sống riêng của người đó, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Xét lời trình bày của chị H1 là có căn cứ chấp nhận, vì chị H1 và anh H đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án anh H không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải để bày tỏ quan điểm của mình, mặc dù anh H có biết việc chị H1 đang xin ly hôn và đang được Tòa án huyện Hạ Hòa giải quyết được ông Bùi Công V xác nhận đã nhận được toàn bộ các văn bản của tòa án, ông đã thông báo và giao lại cho anh H, do anh H thường xuyên đi làm ăn xa nên không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị H1 được, anh H có nói lại việc này do chị H1 tự quyết định, anh không có ý kiến gì, nếu chị H1 kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử

cho chị H1 được ly hôn anh H là phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H1 xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Thanh H2, sinh ngày 07/3/2010 và cháu Bùi Công T, sinh ngày 17/2/2014. Hiện nay một cháu đang ở với chị H1 và một cháu đang ở với anh H cùng ông bà nội, nguyện vọng của cháu Bùi Thanh H2 xin được ở với mẹ còn cháu Bùi Công T xin ở với bố cùng ông bà nội, tuy nhiên cha mẹ phải có nghĩa đối với con chung, hiện nay anh H vắng mặt do đó không thể giao cháu T cho ông bà nuôi dưỡng được, ý kiến của các cháu chỉ là ý kiến tham khảo. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị H1 xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H đều không có mặt để bày tỏ quan điểm của mình về nuôi dưỡng con chung, do anh H vắng mặt, nên cần giao cả hai cháu cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 do chị H1 không yêu cầu là phù hợp quy định của pháp luật. Sau ly hôn anh H có mặt có yêu cầu thì tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp:

Chị H1 không đề nghị Tòa án giải quyết gì. Hội đồng xét xử thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa làm việc được với anh H về các mối quan hệ này, nên không đặt ra giải quyết trong vụ án. Sau ly hôn anh H có mặt, các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị H1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 được ly hôn với anh Bùi Ngọc H.

[2]. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Bùi Thanh H2, sinh ngày 07/3/2010 và cháu Bùi Công T, sinh ngày 17/2/2014 kể từ tháng 11/2024 cho đến khi các cháu thành niên. Anh Bùi Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 do chị H1 không yêu cầu.

Chị H1 và anh H đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa theo biên lai thu tiền số 0003053 ngày 31/7/2024 (Xác nhận chị H1 đã nộp đủ).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H1 có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh H (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao, nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Đ;
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Thuỷ